

Bản án số: 43/2024/DS-ST  
Ngày: 09-8-2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Đoàn Minh Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Địa chỉ: Số B - B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Vũ Bích T; chức vụ: Phó phòng giao dịch B – S1 (Giấy ủy quyền số 19/2024/GUQ-PGDBB ngày 16 tháng 5 năm 2024); vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979; nơi thường trú: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi tạm trú: tổ F, ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S là bà Nguyễn Vũ Bích T trình bày:

Ngày 25/8/2022, bà Nguyễn Thị T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000

đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T1 đã thực hiện các giao dịch và vay tiêu dùng trả góp (Thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền thẻ tín dụng là 1.389.000 đồng và thanh toán phần vay tiêu dùng số tiền 22.215.000 đồng nhưng sau đó thì ngưng không thanh toán. Tháng 09/2023 toàn bộ dư nợ vay tiêu dùng chuyển nhóm nợ xấu đồng thời Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ xấu. Tính đến ngày 11/3/2024, bà Nguyễn Thị T1 còn nợ số tiền 37.088.690 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Nguyễn Thị T1 trả nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị quý Tòa xem xét giải quyết buộc thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/8/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) tạm tính đến ngày 09/8/2024 đối với số thẻ 211251-6716 là 35.156.162 đồng và số thẻ 472074-3393 là 6.175.637 đồng, tổng số tiền là 41.331.799 đồng (bốn mươi một triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Bích T có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có địa chỉ tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương

nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung yêu cầu: Nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/8/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị T1, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền thẻ tín dụng là 1.389.000 đồng và thanh toán phần vay tiêu dùng số tiền 22.215.000 đồng nhưng sau đó thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm cam kết đã ký giữa các bên. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền tiền gốc và lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, Điều 288, Điều 317, Điều 320, Điều 401, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/8/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) số thẻ 211251-6716 là 35.156.162 đồng và số thẻ 472074-3393 là 6.175.637 đồng, tổng số tiền là 41.331.799 đồng (bốn mươi một triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/8/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí là 2.066.590 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi đồng).

H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 927.217 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003465 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Anh Duy**